TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày: 08 - 8 - 2019
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Thiện Phong;

2. Ông Lưu Quốc Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2019/TLST-KDTM, ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) A**.

Địa chỉ: Số 170, đường H, phường Đ, quận A, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K, Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hà.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Q, Chức danh: Phó Tổng Giám đốc A.

Người được ủy quyền lại: Ông **Phạm Quốc K**, sinh năm 1980.

HKTT: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Số 371-373, Đ.T, P. 7, Tp. B, T. B1.

Đồng bị đơn: Ông **Nguyễn Minh L**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B.

Bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 209, ấp C, thị trấn C1, huyện V, tỉnh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1957

2/ Bà **Trần Thị Ph**, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B.

(Người đại diện nguyên đơn có mặt. Đồng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tất cả đều vắng mặt không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không thông báo lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2019 và lời khai của người đại diện nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T ký hợp đồng tín dụng số 3390/17/TD/IX ngày 21/8/2017 với A. Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh phụ tùng xe gắn máy, số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, 06 tháng/KUNN.

Tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/8/2018 là 328.908.547 đồng. Trong đó, nợ gốc là 296.999.555 đồng, lãi trong hạn là 6.089.667 đồng, lãi quá hạn là 25.819.325 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng cho vay hạn mức số: 3390/17/TD/IX ngày 21/08/2017 ông Nguyễn Minh L đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3390A/17/TC/IX ngày 21/08/2017 và ông Nguyễn Minh N, bà Trần Thị Ph đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 3390B/17/TC/IX ngày 21/08/2017, tài sản thế chấp bao gồm:

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 885029, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS01544 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/09/2016 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng đất ngày 19/10/2016 (ông Nguyễn Minh N tặng cho quyền sư dụng đất cho ông Nguyễn Minh L).

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K 340670, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02815 QSDĐ/HD do UBND huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc

Liêu cấp ngày 16/06/1997 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi thời hạn sử dụng sử dụng đất ngày 23/05/2014, cập nhật thay đổi diện tích đất ngày 23/09/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Luân, bà Trang vi phạm nghĩa vụ trả nợ và ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên thành nợ quá hạn. Nay ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu như sau:

Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T thanh toán cho A tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/8/2018 là 328.908.547 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 296.999.555 đồng; lãi trong hạn là 6.089.667 đồng; lãi quá hạn 25.819.325 đồng.

Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với A kể từ ngày 01/9/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 06/8/2019 ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T thanh toán cho A tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/7/2019 là 356.999.593 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 281.999.555 đồng; nợ lãi là 75.000.038 đồng.

Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với A kể từ ngày 30/7/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa đại diện ngân hàng TMCP A xác định yêu cầu của ngân hàng A là: Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T thanh toán cho A tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/8/2019 là 358.157.337 đồng (ba trăm năm mươi tám triệu một trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc là 281.999.555 đồng; lãi trong hạn là 6.089.667 đồng; lãi quá hạn 70.068.115 đồng.

Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại

Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với A kể từ ngày 09/8/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra, ngân hàng TMCP A không còn yêu cầu nào khác.

Lời trình bày của đồng bị đơn:

Bị đơn ông Nguyễn Minh L có lời khai như sau: Tôi với vợ là Nguyễn Ngọc T có ký hợp đồng tín dụng số 3390/17/TD/IX ngày 21/8/2017 với A. Mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh phụ tùng xe gắn máy, số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, 06 tháng/KUNN. Tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/8/2018 là 328.908.547 đồng. Trong đó, nợ gốc là 296.999.555 đồng, lãi trong hạn là 6.089.667 đồng, lãi quá hạn là 25.819.325 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng cho vay hạn mức số: 3390/17/TD/IX ngày 21/08/2017 tôi đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3390A/17/TC/IX ngày 21/08/2017 và cha, mẹ tôi là ông Nguyễn Minh N, bà Trần Thị Ph đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 3390B/17/TC/IX ngày 21/08/2017, tài sản thế chấp bao gồm:

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 885029, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS01544 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/09/2016 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng đất ngày 19/10/2016.

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K 340670, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02815 QSDĐ/HD do UBND huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 16/06/1997 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi thời hạn sử dụng sử dụng đất ngày 23/05/2014, cập nhật thay đổi diện tích đất ngày 23/09/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì tôi vi phạm nghĩa vụ trả nợ và ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên thành nợ quá hạn. Nay ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu như sau:

Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T thanh toán cho A tổng số tiền tính đến ngày 31/8/2018 là: 328.908.578 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu, chín trăm lẻ tám nghìn, năm trăm bảy mươi tám đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc

là 296.999.555 đồng; nợ lãi tính đến ngày 31/8/2018: 31.908.992 đồng;

Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với ABBNAK kể từ ngày 01/9/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên, Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tôi chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên của ngân hàng A. Nhưng vợ chồng tôi đã ly hôn, khoảng nợ này trước đây do tôi vay và sử dụng tiền vay vợ tôi không có sử dụng nên tôi thừa nhận khoảng nợ này và đồng ý tự chịu trách nhiệm trả không yêu cầu vợ tôi cùng có nghĩa vụ trả nợ với tôi.

Ngoài ra, tôi không có yêu cầu phản tố hay ý kiến gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T có lời khai như sau: Tôi với chồng tôi là Nguyễn Minh L có ký hợp đồng tín dụng số 3390/17/TD/IX ngày 21/8/2017 với A. Mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh phụ tùng xe gắn máy, số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng. Khi đó chúng tôi là vợ chồng nên buộc tôi phải cùng ký tên vào hợp đồng vay theo quy định pháp luật. Số tiền khi vay về, chồng tôi tự sử dụng, tôi không có sử dụng và nay chúng tôi ly hôn với nhau nên anh Luân là người có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng, tôi không có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tôi không biết anh Luân còn nợ ngân hàng bao nhiêu tiền và tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu phản tố hay ý kiến gì thêm.

Lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị Ph có lơi khai như sau: Ông bà đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 3390B/17/TC/IX ngày 21/08/2017, tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K 340670, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02815 QSDĐ/HD do UBND huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 16/06/1997 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi thời hạn sử dụng sử dụng đất ngày 23/05/2014, cập nhật thay đổi diện tích đất ngày 23/09/2016. Tại thửa đất số 0729 tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 0204 tờ bản đồ số 04. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Nguyễn Minh L và Nguyễn Ngọc T tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: 3390/17/TD/IX ngày 21/08/2017 giữa Nguyễn Minh L và Nguyễn Ngọc T với ngân hàng TMCP A.

Hai thửa đất này ông Nhì bà Phụng đang quản lý, sử dụng không cầm cố,

thế chấp cho ai khác ngoài ngân hàng TMCP A hay cho ai thuê, mượn. Nếu ông Luân không có khả năng trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ cho ngân hàng TMCP A và ngân hàng TMCP A có yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp (hai thửa đất thế chấp nói trên) để thu hồi nợ thì ông bà đồng ý.

Ngoài ra, ông bà có yêu cầu hay ý kiến gì thêm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì bị đơn ông Nguyễn Minh L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thự hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của minh theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đã nhận đình và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T cùng có trách nhiệm trả Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/8/2019 là 358.157.337 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 281.999.555 đồng; lãi trong hạn là 6.089.667 đồng; lãi quá hạn 70.068.115 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ từ ngày 09/8/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Minh L không thanh toán đầy đủ nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra, ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T còn phải chịu án phí có giá ngạch là 17.907.866 đồng và chi phí khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Xét về thủ tục tố tụng

[1] Về mối quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau (ngân hàng

TMCP A và hộ kinh doanh do ông Nguyễn Minh L là chủ hộ đều có đăng ký kinh doanh) và đều có mục đích lợi nhuận (ngân hàng cho vay để thu lãi và hộ ông Luân vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh phụ tùng xe gắn máy cũng để thu lợi nhuận) theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, đồng bị đơn ông Nguyễn Minh L, bà Nguyễn Ngọc T không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh N, bà Trần Thị Ph không có yêu cầu độc lập mà vắng mặt không thông báo lý do cho Tòa án, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hay người đại diện tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[II] Xét về nội dung

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP A:

[1] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ngày 06/8/2019 nguyên đơn cơ đơn yêu cầu thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ: Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T thanh toán cho A tổng số nợ tạm tính đến ngày 08/8/2019 là 358.157.337 đồng (ba trăm năm mươi tám triệu một trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc là 281.999.555 đồng; lãi trong hạn là 6.089.667 đồng; lãi quá hạn 70.068.115 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời thừa nhận của đồng bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định sự thật giữa ngân hàng TMCP A với ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T có ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 3390/17/TD/IX ngày 21/8/2017 để vay số tiền gốc là 300.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, 06 tháng/KUNN. Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh phụ tùng xe gắn máy. Ngày rút vốn 22/8/2017.

Lãi suất trong hạn là 11,1%/năm được quy định trên giấy nhận nợ. Lãi suất trên sẽ thay đổi định kỳ 03 tháng/lần theo chính sách của A hoặc ngay khi A thông báo thay đổi lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông Nguyễn Minh L đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3390A/17/TC/IX ngày 21/08/2017 và ông Nguyễn Minh N, bà Trần Thị Ph đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 3390B/17/TC/IX ngày 21/08/2017, tài sản thế chấp bao gồm:

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 885029, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS01544 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/09/2016 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng đất ngày 19/10/2016.

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K 340670, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 02815 QSDĐ/HD do UBND huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 16/06/1997 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi thời hạn sử dụng sử dụng đất ngày 23/05/2014, cập nhật thay đổi diện tích đất ngày 23/09/2016.

Xét thấy hợp đồng tín dụng hạn mức số 3390/17/TD/IX ngày 21/8/2017 là hợp đồng vay có bảo đảm bằng tài sản thế chấp và giấy nhận nợ số 01/17HĐCV/IX ngày 22/8/2017 là một phụ lục không tách rời của hợp đồng tín dụng nói trên. Các bên giao dịch đã ký kết hợp đồng tín dụng trên tinh thần tự nguyện, đúng theo quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng này có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông Luân bà Trang vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 của hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. A đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn, thông báo yêu cầu ông Luân, bà Trang tự xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ vay... Tuy nhiên, ông Luân, bà Trang không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó, A khởi kiện yêu cầu ông Luân bà Trang thanh toán tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 08/8/2019 là 358.157.337 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận yêu cầu này của A.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Bị đơn ông Luân và bà Trang thừa nhận khoản tiền vay này do ông Luân là người sử dụng, bà Trang không sử dụng và vợ chồng ông bà đã ly hôn. Nay bà Trang không đồng ý cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông Luân. Ông Luân tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho A, không yêu cầu bà Trang cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông. Xét thấy, khi vay tiền thì ông Luân và bà Trang cùng vay và nay dù vợ chồng ông, bà ly hôn nhưng

chưa giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên khoản nợ này là nợ chung của ông Luân và bà Trang. Do đó, cần buộc ông Luân và bà Trang cùng có nghĩa vụ trả nợ là đúng theo quy định pháp luật.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh N và bà Trần Thị Ph là người dùng tài sản của mình thế chấp cho A để đảm bảo nợ vay cho ông Luân bà Trang tại hợp đồng tín dụng nói trên. Các bên không có thỏa thuận về việc ông Nhì, bà Phụng phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho A nên ông Nhì bà Phụng không có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ nói trên cho A mà chỉ ông Nguyễn Minh L bà Trang là người có nghĩa vụ trả nợ cho A.

[3] Về mức lãi suất và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh: Khi ký kết hợp đồng tín dụng, các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau về thời hạn vay, lãi suất vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn. Căn cứ mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 3390/17/TD/IX ngày 21/8/2017 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

Khi vay thì các bên giao dịch cũng đã thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Tính đến ngày 08/8/2019 ông Luân, bà Trang còn nợ A số tiền nợ lãi là 76.157.782 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn là 6.089.667 đồng, lãi quá hạn là 70.068.115 đồng. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ liên đới trả cho A số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 08/8/2019 là 76.157.782 đồng và lãi phát sinh trên số tiền chậm trả kể từ ngày 09/8/2019 đến khi trả hết nợ theo lãi suất cho vay tại hợp đồng tín dụng số 3390/17/TD/IX ngày 21/8/2017 mà ông Luân, bà Trang đã ký kết với A là phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Hội đồng xét xử xét thấy: Để bảo đảm cho khoản nợ vay ông Nguyễn Minh L đã ký với A Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 3390A/17/TC/IX ngày 21/08/2017 và ông Nguyễn Minh N, bà Trần Thị Ph đã ký với A Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 3390B/17/TC/IX ngày 21/08/2017. Hợp đồng này được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện và được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bạc Liêu đúng theo quy định pháp luật.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 885029, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS01544 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/09/2016 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng đất

ngày 19/10/2016 cho ông Nguyễn Minh L.

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K 340670, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02815 QSDĐ/HD do UBND huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 16/06/1997 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi thời hạn sử dụng sử dụng đất ngày 23/05/2014, cập nhật thay đổi diện tích đất ngày 23/09/2016.

Tài sản thế chấp đều được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền đúng theo quy định pháp luật. Các chủ sở hữu tài sản thế chấp đều đang trực tiếp quản lý sử dụng. Chủ sở hữu tài sản thế chấp cũng đồng ý cho A yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu ông Luân bà Trang không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ cho A. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 299, Điều 323 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu này của A.

[5] Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự buộc ông Nguyễn Minh L bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp. Do ngân hàng TMCP A dự nộp chi phí tố tụng 2.000.000 đồng và đã chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp hết 320.000 đồng nên buộc ông Nguyễn Minh L bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A 320.000 đồng (ba trăm hai chục nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp; còn lại 1.680.000 đồng Ngân hàng TMCP A được nhận lại tại Tòa án.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí. Vì vậy, Ngân hàng TMCP A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.225.000 đồng (tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006089 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Buộc đồng bị đơn ông Nguyễn Minh L bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 17.907.866 đồng.

[7] Về đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, 323 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Áp dụng Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần A (A).

Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/8/2019 là 358.157.337 đồng (ba trăm năm mươi tám triệu một trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc là 281.999.555 đồng; lãi trong hạn là 6.089.667 đồng; lãi quá hạn 70.068.115 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 08/8/2019 (tức là ngày 09/8/2019) ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T còn có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho A số nợ lãi phát sinh trên số nợ chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với A cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Minh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho ngân hàng thương mại cổ phần A thì ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản mà ông Nguyễn Minh L, ông Nguyễn Minh N, bà Trần Thị Ph đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tại hai hợp đồng thế chấp số 3390A/17/TC/IX ngày 21/08/2017 và số 3390B/17/TC/IX ngày 21/08/2017 để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H,

tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CĐ 885029, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS01544 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/09/2016 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng đất ngày 19/10/2016 cho ông Nguyễn Minh L. Tại thửa đất số 1921, tờ bản đồ số 05, diện tích 3.224,0m^2. Đất trồng lúa.

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh B theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số K 340670, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: 02815 QSDĐ/HD do UBND huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 16/06/1997 cho ông Nguyễn Minh N. Cập nhật thay đổi thời hạn sử dụng sử dụng đất ngày 23/05/2014, cập nhật thay đổi diện tích đất ngày 23/09/2016. Tại thửa đất số 0729, tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 0204, tờ bản đồ số 04, tổng diện tích 9.240m^2. Đất trồng lúa.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng TMCP A 320.000 đồng (ba trăm hai chục nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp; Ngân hàng TMCP A được nhận lại 1.680.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng tại Tòa án.

3. Về án phí: Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí nên Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.225.000 đồng (tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006089 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh L và bà Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 17.907.866 đồng (mười bảy triệu chín trăm lẻ bảy nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa án (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Phan Chí Tâm